

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thực hiện Điều tra,  
đánh giá ô nhiễm đất tỉnh An Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc điều tra, đánh giá đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch “Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất tỉnh An Giang”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 374/TTr-STNMT ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc phê duyệt kết quả thực hiện Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất tỉnh An Giang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thực hiện Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất tỉnh An Giang với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất tỉnh An Giang**

**1.1 Đánh giá ô nhiễm đất theo loại hình sử dụng đất**

Đơn vị tính: ha

STT	Loại hình sử dụng đất	Tổng diện tích điều tra	Diện tích đất ô nhiễm theo mức độ		
			Không ô nhiễm	Cận ô nhiễm	Ô nhiễm
1	Khu công nghiệp	23,80	23,5033	0,2967	0
2	Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề	31,62	31,6200	0	0
3	Khu khai thác, chế biến khoáng	51,64	51,5103	0	0,1297

Đơn vị tính: ha

STT	Loại hình sử dụng đất	Tổng diện tích điều tra	Diện tích đất ô nhiễm theo mức độ		
			Không ô nhiễm	Cận ô nhiễm	Ô nhiễm
	sản; vật liệu xây dựng				
4	Đất bãi thải, xử lý chất thải	112,86	104,2831	2,8719	5,7050
5	Khu nuôi trồng, chế biến thủy sản	349,93	237,9300	0	112,00
6	Khu vực canh tác sử dụng nhiều phân bón vô cơ, thuốc BVTV	140,00	129,9070	9,0544	1,0386
7	Kho chứa thuốc BVTV	20,34	20,3400	0	0
8	Khu vực nghĩa trang, nghĩa địa	37,34	33,8261	1,8550	1,6589
<b>Tổng cộng</b>		<b>767,53</b>	<b>632,9198</b>	<b>14,0780</b>	<b>120,5322</b>

### 1.2 Đánh giá ô nhiễm đất theo mục đích sử dụng đất

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích điều tra	Diện tích đất ô nhiễm theo mức độ		
			Không ô nhiễm	Cận ô nhiễm	Ô nhiễm
<b>1</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>293,80</b>	<b>281,2828</b>	<b>5,0236</b>	<b>7,4936</b>
1.1	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (CSK)	143,60	143,1736	0,2967	0,1297
1.1.1	Đất khu công nghiệp (SKK)	23,80	23,5033	0,2967	0
1.1.2	Đất cụm công nghiệp (SKN)	16,42	16,4200	0	0
1.1.3	Đất khai thác vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX)	35,94	35,9400	0	0
1.1.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	67,44	67,3103	0	0,1297
1.2	Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA)	112,86	104,2831	2,8719	5,7050
1.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD)	37,34	33,8261	1,8550	1,6589
<b>2</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>473,73</b>	<b>351,6370</b>	<b>9,0544</b>	<b>113,0386</b>
2.1	Đất nuôi trồng thủy sản tập trung (NTS)	333,73	221,7300	0	112,00

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích điều tra	Diện tích đất ô nhiễm theo mức độ		
			Không ô nhiễm	Cận ô nhiễm	Ô nhiễm
2.2	Đất chuyên trồng lúa (LUC)	20,00	18,4072	1,5331	0,0597
2.3	Đất lúa màu (LUK)	120,00	111,4998	7,5213	0,9789
<b>Tổng cộng (1+2)</b>		<b>767,53</b>	<b>632,9198</b>	<b>14,0780</b>	<b>120,5322</b>

### 1.3 Đánh giá ô nhiễm đất theo loại hình ô nhiễm

STT	Khu vực đất bị ô nhiễm, cận ô nhiễm	Diện tích (ha)
<b>I. Khu vực bị ô nhiễm</b>		
1	Xí nghiệp sản xuất bê tông và gạch không nung - Công ty xây lắp An Giang	0,1297
2	Bãi rác xã Kiến An	5,705
3	Khu vực trồng lúa, màu xã Khánh An, huyện An Phú	0,7059
4	Khu vực trồng lúa, màu xã Kiến An, xã Kiến Thành - H.Chợ Mới	0,273
5	Khu vực trồng lúa phườn Bình Đức, TP. Long Xuyên	0,0597
6	Nghĩa trang Hoa Viên	0,6485
7	Nghĩa địa phườn Bình Đức	1,0104
8	Vùng nuôi Long Giang	112
<b>II. Khu vực cận ô nhiễm</b>		
1	KCN Bình Hòa	0,2967
2	Khu xử lý rác kênh 10	0,7728
3	Bãi rác thị trấn Mỹ Lương	0,6528
4	Bãi rác xã Kiến An	1,4463
5	Khu vực trồng lúa, màu xã Khánh An, huyện An Phú	1,4774
6	Khu vực trồng lúa, màu Xã Kiến An, xã Kiến Thành - H.Chợ Mới	2,3308
7	Khu vực trồng lúa, màu xã Phú Thành, thị trấn Chợ Vàm - H.Phú Tân	1,9979
8	Khu vực trồng lúa, màu xã Lương An Trà - H.Tri Tôn	1,7152

STT	Khu vực đất bị ô nhiễm, cận ô nhiễm	Diện tích (ha)
9	Khu vực trồng lúa phường Bình Đức, TP. Long Xuyên	1,5331
10	Nghĩa trang Hoa Viên	1,1903
11	Nghĩa địa phường Bình Đức	0,6647

#### **1.4 Đánh giá ô nhiễm đất theo đơn vị hành chính của tỉnh An Giang**

STT	Huyện/Thành phố/Thị xã	Diện tích (ha)
<b>I. Khu vực bị ô nhiễm</b>		
1	Huyện An Phú	0,7059
2	Huyện Chợ Mới	117,978
3	TP. Long Xuyên	1,8483
<b>II. Khu vực cận ô nhiễm</b>		
1	Huyện An Phú	1,4774
2	Huyện Châu Thành	0,2967
3	Huyện Chợ Mới	4,4299
4	Huyện Phú Tân	1,9979
5	Huyện Tri Tôn	1,7152
6	TP. Long Xuyên	3,3881
7	TP. Châu Đốc	0,7728

## **2. Các giải pháp bảo vệ đất và định hướng sử dụng đất bền vững**

### **2.1. Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Ban hành kế hoạch theo dõi, giám sát các khu vực đất bị ô nhiễm và có khả năng bị ô nhiễm (cận ô nhiễm).

- Ban hành chương trình quan trắc môi trường trọng điểm 5 năm, trong đó, chú trọng quan trắc ô nhiễm đất theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện quy hoạch và kế hoạch thu gom xử lý rác sử dụng công nghệ hiện đại. Đặc biệt tập trung xử lý các khu vực bị ô nhiễm, có nguy cơ ô nhiễm theo kết quả điều tra bằng các công nghệ xử lý phù hợp, hiệu quả và kinh tế.

- Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường trong quá trình sử dụng đất nông nghiệp.

- Xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể để khuyến khích người nông dân bảo vệ môi trường trong quá trình sử dụng đất nông nghiệp.

- Xây dựng khung pháp lý về quản lý chất thải, trong đó có quản lý chất thải nông nghiệp. Trong đó, thực hiện các biện pháp giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải gắn với hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và chế tài xử lý vi phạm nghiêm minh.

- Công tác quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản dựa trên cơ sở phân vùng sinh thái, phát triển hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước và xử lý chất thải đối với ngành nuôi trồng thủy sản công nghiệp, thâm canh nhằm đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường, ngăn ngừa dịch bệnh và các quy chuẩn môi trường quy định.

- Lồng ghép nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường đất vào quy hoạch tỉnh đến năm 2030.

## ***2.2. Giải pháp về tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong bảo vệ môi trường***

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao ý thức pháp luật bảo vệ môi trường cho cộng đồng và doanh nghiệp nhằm chung tay bảo vệ môi trường nói chung và môi trường đất nói riêng.

- Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn cách bảo vệ tài nguyên đất trong sản xuất, kinh doanh đem lại giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường; tuyên truyền về tác hại của việc sử dụng, sản xuất không đúng cách.

## ***2.3 Giải pháp về kinh tế***

- Hỗ trợ người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với một số khu vực có đất bị ô nhiễm bằng các loài thực vật hoặc các loại cây thực phẩm có khả năng làm sạch đất.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ các cơ sở kinh doanh, cơ sở sản xuất bằng nguồn vốn vay ưu đãi hoặc thông qua quỹ bảo vệ môi trường để xây dựng các trạm xử lý nước, thu gom rác thải tại nguồn.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất đảm bảo phát triển bền vững, sản xuất và tiêu dùng thân thiện với môi trường.

## ***2.4. Giải pháp về quản lý tài nguyên và môi trường***

- Xây dựng, khoanh định vùng bảo vệ nghiêm ngặt đối với đất trồng lúa nước có năng suất cao, chủ động tưới tiêu đảm bảo an ninh lương thực.

- Bảo vệ tầng canh tác khi thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, đảm bảo các điều kiện phù hợp, không làm biến dạng mặt bằng, không gây ô nhiễm, thoái hoá đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa.

- Phát động phong trào trồng cây phân tán để nâng độ che phủ.

- Xây dựng các quy chế bảo vệ môi trường cho từng ngành nghề, từng khu chức năng và từng khu vực.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các nhà máy chế biến thủy sản và các vùng nuôi để thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý môi trường trong khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn; nâng cao năng lực của bộ máy quản lý môi trường; xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn. Thông qua hệ thống quan trắc môi trường đánh giá kịp thời, chính xác, kiểm soát chất lượng môi trường cũng như mức độ ô nhiễm môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Thực hiện di dời toàn bộ nhà máy, xí nghiệp sản xuất gây ô nhiễm ra xa khu dân cư.

- Xây dựng phương án khai thác, sử dụng đất hợp lý, bền vững và giảm thiểu tối đa thoái hóa đất, ô nhiễm đất trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tăng cường công tác điều tra, giám sát, kiểm soát ô nhiễm đất.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác lập phương án xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường và tổ chức thực hiện xử lý các khu vực đất bị ô nhiễm và cận ô nhiễm trên địa bàn.

- Phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường và cải tạo đất.

- Phối hợp với các Sở, ngành, Hội, đoàn thể tuyên truyền về công tác thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời hướng dẫn việc vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá nguồn ô nhiễm As trong nước ngầm và công bố rộng rãi trong nhân dân đồng thời cảnh báo các khu vực bị ô nhiễm để hạn chế khai thác nước ngầm cho tưới tiêu hoặc dùng trong sinh hoạt.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp; đồng thời tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường đất định kỳ, nhằm kiểm soát hiệu quả nguồn tác nhân gây ô nhiễm đất.

### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP). Tăng cường công tác khuyến nông, tuyên truyền theo hướng giảm sử dụng các hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón hóa học. Xây dựng nền nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Ban hành hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; hướng dẫn, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch đánh giá tồn lưu hàm lượng As và Cu trong sản phẩm nông nghiệp tại vùng có đất bị ô nhiễm và cận ô nhiễm.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện các công trình thủy lợi; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định.

### **3. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Bố trí các đề tài, dự án nghiên cứu các loại giống cây trồng phù hợp với điều kiện, tiềm năng đất đai và có khả năng cải tạo đất.

- Nghiên cứu các vật liệu sinh học có thể cải tạo đất và phục hồi đất cho các khu vực bị ô nhiễm và có nguy cơ ô nhiễm.

### **4. Sở Thông tin và Truyền Thông**

Công bố kết quả Điều tra đánh giá ô nhiễm đất được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

### **5. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã thành phố**

- Phối hợp với các Sở, ngành tỉnh thực hiện việc xử lý, giám sát các khu vực ô nhiễm và cảnh báo ô nhiễm.

- Hướng dẫn cải tạo đất bị ô nhiễm bằng các biện pháp chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

- Tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường và cải tạo đất, giữ ẩm và nâng cao độ phì nhiêu đất. Khuyến cáo người dân không được phép khai thác nguồn nước ngầm khi chưa được cấp phép.

- Tăng cường công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tập trung, đối với chất thải nguy hại cần thu gom đúng theo quy định.

### **6. Ban Quản lý Khu kinh tế**

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp, đặc biệt hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp để các đối tượng có quy mô xả thải lớn lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục, đảm bảo việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Tăng cường theo dõi, giám sát việc xả nước thải ra môi trường, cũng như công tác xử lý nước thải của các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp.

### **7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và thống nhất hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, tổ chức và cá nhân.

- Tăng cường giám sát cộng đồng đối với công tác bảo vệ môi trường đất; tuyên truyền, khuyến cáo người dân hạn chế sử dụng giếng khoan nước ngầm phục vụ tưới tiêu và trám lấp các giếng nằm trong vùng có nguồn nước ngầm bị nhiễm As.

### **8. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh**

Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; về canh tác hữu cơ và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, KTN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Thư**